

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HSPT  
Ngày: 25/02/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà BÙI THỊ NGHĨA  
2/ Ông TRẦN ANH KHOA

- *Thư ký phiên tòa:* Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông VÕ VĂN THÀNH - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 182/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị C, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 242/2019/HSST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**NGUYỄN THỊ C** (tên gọi khác: V) - Sinh năm 1968 tại K  
Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố N, phường N, thị xã N, tỉnh K.  
Chỗ ở: 05 TQT, phường V, thành phố N, tỉnh K.  
Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh;  
Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam  
Con ông: Trần Việt H – Sinh năm: 1946 và bà Lý Thị C – Sinh năm: 1958;  
có ba con, lớn nhất sinh 1996, nhỏ nhất sinh năm 2006  
Tiền án, tiền sự: Không  
Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị C có thuê căn nhà tại địa chỉ số 5 đường T, phường V, thành phố N thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn S (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01449 cấp ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang).

Tuy do không có quyền sở hữu gì đối với căn nhà trên nhưng do cần tiền dùng cho cá nhân nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản từ việc cầm thế căn nhà trên. C liên hệ với một người đàn ông tên H (chưa xác định được nhân thân lai lịch) làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ

khẩu tại địa chỉ số 5 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh K mang tên Trần Thị Thu V với giá 10.000.000 đồng.

Đến ngày 19/4/2018, C đưa toàn bộ giấy tờ trên cho ông Trần Doãn L để cầm thế. Sau khi xem xong các giấy tờ trên, ông L được C dẫn đến nhà số 5 đường T, phường V, thành phố N để xem nhà. Sau khi xem nhà và cầm giữ các giấy tờ giả trên, ông L tin tưởng căn nhà trên thuộc quyền sở hữu của C nên đã cho bà C vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng từ ngày 19/4/2018 đến ngày 19/6/2018.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên bà C đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Do bà C không trả lãi và cũng không trả tiền gốc khi đến hạn nên ông L nghi ngờ và phát hiện những giấy tờ bà C đưa là giả. Vì vậy, ông L làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang.

Kết luận giám định số 381/GĐTP/2018 ngày 21/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số A mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: bà Trần Thị Thu V (CMND số 225287191) đối với nhà ở diện tích 32m<sup>2</sup>, địa chỉ: số 5 T, phường V, thành phố N, tỉnh K đề ngày 15/3/2018 (tài liệu cần giám định ký hiệu A) là giả.

Kết luận giám định số 455/GĐTP/2018 ngày 17/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 225287191 mang tên Trần Thị Thu V (sinh ngày 02/12/1969); nguyên quán: N, K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 5 T, phường V, thành phố N, tỉnh K đề ngày 09/4/2018 (tài liệu cần giám định ký hiệu A) là giả.

Kết luận giám định số 456/GĐTP/2018 ngày 20/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Sổ hộ khẩu (có bìa màu hồng đậm) số 330...28787; họ và tên chủ hộ: Trần Thị Thu V; nơi thường trú: số 5 T, phường V, thành phố N đề ngày 08/4/2018 (tài liệu cần giám định ký hiệu A) là giả.

Bản án hình sự sơ thẩm số 242/2019/HSST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thị C 9 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 2 năm 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/10/2019, bị cáo Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### **[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:**

Đơn kháng cáo đề ngày 21/10/2019 được bị cáo Nguyễn Thị C nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang vào ngày 22/10/2019. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

### **[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo thừa nhận, vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã nhờ một người đàn ông (chưa xác định được lai lịch) làm giả các giấy tờ, tài liệu bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu tại địa chỉ số 5 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh K mang tên Trần Thị Thu V. Bị cáo C đã sử dụng các tài liệu, giấy tờ nói trên và nói dối mình là chủ sở hữu nhà số 5 T, phường V, thành phố N khiến người bị hại Trần Doãn L tin tưởng và giao tài sản là số tiền 30.000.000 đồng cho bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ để cho rằng, bản án hình sự sơ thẩm số 242/2019/HSST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

### **[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo:**

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính. Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, bị cáo phạm nhiều tội nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện để được áp dụng án treo. Đồng thời, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là không nặng mà phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị C không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới; nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN THỊ C 9 (chín) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; **2 (hai) năm tù** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 2 năm 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an TP Nha Trang
- VKSND TP Nha Trang
- Chi cục THADS TP Nha Trang
- TAND TP Nha Trang
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÂM VƯƠNG MỸ LINH**